

NÂNG CAO CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH THÀNH PHẦN NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TỈNH BẮC NINH

Rising component competitiveness index, a case study in Bac Ninh

Khổng Văn Thắng¹

Triệu Tú Anh²

Tóm tắt

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) là chỉ số xếp hạng chất lượng điều hành kinh tế của chính quyền cấp tỉnh trong việc tạo lập môi trường chính sách thuận lợi cho việc phát triển Doanh nghiệp dân doanh. Đồng thời là kênh thông tin tốt, từ đó định hướng và cải thiện môi trường kinh doanh, cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm thu hút các nguồn lực đầu tư. Chính vì lý do này, mà nhiều năm qua Bắc Ninh đã không ngừng nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, liên tục là đơn vị trong Top đầu cả nước về chỉ số này. Tuy nhiên, vài năm gần đây Bắc Ninh đã liên tục suy giảm về điểm số và tụt hạng về thứ bậc. Do vậy, bài báo này sử dụng phương pháp thống kê mô tả để phân tích kỹ lưỡng các nguyên nhân, vấn đề tồn tại thông qua chín lĩnh vực điều hành mà chỉ số PCI xây dựng, trên cơ sở đó đề xuất những giải pháp điều chỉnh và cải thiện một cách đúng đắn, kịp thời để PCI của Bắc Ninh được cải thiện.

Từ khóa: đầu tư trực tiếp nước ngoài, tỉnh Bắc Ninh, xuất khẩu, một cửa.

Abstract

Provincial Competitiveness Index (PCI) is a quality ranking index that controls the provincial government economy to create a favorable policy environment for the development of private businesses. Also it is a good information channel to orientate and improve business environment, as well as enhance their competitiveness in order to attract investment resources. Because of this, during past many years, Bac Ninh has made its efforts to improve the business improvement environment, remaining top in PCI of the country. However, in recent years Bac Ninh has declined in score and hierarchy. Therefore, this paper uses descriptive statistical methods to analyze the causes and problems through aspects where PCI has built, on that basis, proposing adjustment solutions to the correct and prompt improvement of Bac Ninh's PCI.

Keywords: foreign direct investment, Bac Ninh province, export, a door.

1. Mở đầu

Trong những năm qua, tỉnh Bắc Ninh đã có nhiều cố gắng trong việc cải thiện môi trường, thu hút vốn đầu tư nước ngoài để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội. Nét nổi bật trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài tại Bắc Ninh là hàng năm tỉnh đều có những văn bản quan trọng để điều chỉnh môi trường thu hút đầu tư sao cho thân thiện và hiệu quả hơn. Cụ thể: Tỉnh ủy đã có kết luận số 03/TU-KL ngày 14/4/2011; Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 26/4/2011 về tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, trong đó chỉ rõ các biện pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chỉ số thành phần trong chỉ số PCI của tỉnh, bao gồm: đánh giá việc thực hiện cơ chế “một cửa liên thông” trong đăng ký kinh doanh, rút ngắn thời gian đăng ký kinh doanh; giúp đỡ các đơn vị sự nghiệp công có chức năng hỗ trợ doanh nghiệp; khuyến khích các doanh

nh nghiệp triển khai thực hiện các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp; công bố công khai quy định sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, công tác giải phóng mặt bằng, đổi mới quản lý ở các cụm công nghiệp, đơn giản hóa các thủ tục đầu tư xây dựng; thực hiện tốt mô hình “một cửa liên thông hiện đại” ở cấp huyện; theo dõi, đánh giá nâng cao chất lượng của cơ chế “một cửa”; chấn chỉnh lề lối làm việc, thanh tra công vụ; đánh giá công tác cải cách hành chính và thông báo công khai; nâng cao chất lượng của cổng thông tin điện tử tỉnh và các website tại các Sở, Ban, Ngành; đẩy mạnh ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; triển khai đề án về đào tạo nhân lực chất lượng cao, nâng cao chất lượng đào tạo của các trường, trung tâm dạy nghề; kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác đào tạo và tuyển dụng, củng cố, nâng cao chỉ số đào tạo lao động; củng cố vai trò của Đoàn Luật sư, các Phòng Công chứng, các Công ty Luật, các tổ chức tư vấn pháp lý trong việc hỗ trợ và tư vấn pháp lý, bảo vệ quyền lợi hợp pháp

¹ Thạc sĩ, Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh.

² Bộ Nội vụ

của doanh nghiệp; nâng cao chất lượng hoạt động xét xử các vụ kiện của doanh nghiệp; tăng cường sự phối hợp của các ngành, các cấp trong việc thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, tránh trùng lặp, phiền hà cho các doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong năm qua, Bắc Ninh đã không còn là đơn vị số 1 hoặc 2 trong những địa phương dẫn đầu trong bảng tổng sắp kết quả xếp hạng chỉ số PCI. Năm 2012, Bắc Ninh bị đánh giá tụt xuống xếp hạng 10 với số điểm giảm còn 62,26 điểm (so với 67,27 điểm năm 2011). Tình trạng suy giảm về điểm số và tụt hạng tiếp diễn của PCI Bắc Ninh đặt ra yêu cầu cần phải xem xét kỹ lưỡng các nguyên nhân, vấn đề tồn tại thông qua chín lĩnh vực điều hành mà chỉ số PCI được xây dựng, trên cơ sở đó đề xuất những giải pháp điều chỉnh và cải thiện một cách đúng đắn, kịp thời để thu hút FDI của Bắc Ninh không ngừng lớn mạnh.

2. Cơ sở lý thuyết về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh

Năm 2005, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), được sự hợp tác nghiên cứu và trợ giúp của Cơ quan Hợp tác Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ US-Aid, đã xác định các chỉ số (indicators) để đánh giá và xếp hạng chính quyền các tỉnh, thành của Việt Nam trong việc xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi cho việc phát triển doanh nghiệp dân doanh, gọi là chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. PCI là từ viết tắt của cụm từ tiếng Anh “*Provincial Competitiveness Index*”. Nó được công bố thí điểm lần đầu tiên vào năm 2005 gồm tám chỉ số thành phần, mỗi chỉ số thành phần lý giải sự khác biệt về phát triển kinh tế giữa các tỉnh, thành phố của Việt Nam, theo đó đã có 47 tỉnh, thành phố của Việt Nam được xếp hạng và đánh giá. Lần thứ hai, năm 2006, hai lĩnh vực quan trọng của môi trường kinh doanh - Thiết chế pháp lý và Đào tạo lao động - được đưa vào xây dựng chỉ số PCI. Từ năm 2006 trở đi, tất cả các tỉnh thành của Việt Nam đều được đưa vào bảng xếp hạng, đồng thời các chỉ số thành phần cũng được tăng cường thêm. Theo đó, một tỉnh được đánh giá là thực hiện tốt tất cả 10 chỉ số thành phần này cần có:

(1) *Chi phí gia nhập thị trường thấp*; (2) *Doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận đất đai và có mặt bằng kinh doanh ổn định*; (3) *Môi trường kinh doanh công khai minh bạch, doanh nghiệp có cơ hội tiếp cận công bằng các thông tin cần cho kinh doanh và các văn bản pháp luật cần thiết*; (4) *Thời gian doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các thủ*

tục hành chính và thanh tra kiểm tra hạn chế nhất (Chi phí thời gian); (5) *Chi phí không chính thức ở mức tối thiểu*; (6) *Lãnh đạo tỉnh năng động và tiên phong*; (7) *Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, do khu vực nhà nước và tư nhân cung cấp*; (8) *Có chính sách đào tạo lao động tốt*; (9) *Hệ thống pháp luật và tư pháp để giải quyết tranh chấp công bằng và hiệu quả*; (10) *Cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế*.

Phương pháp tiếp cận PCI có bốn đặc điểm đáng chú ý: *Thứ nhất*, chỉ số PCI khuyến khích chính quyền các tỉnh cải thiện chất lượng công tác điều hành bằng cách *chuẩn hóa điểm số xung quanh các thực tiễn điều hành kinh tế tốt sẵn có tại Việt Nam* mà không dựa trên các tiêu chuẩn điều hành kinh tế lý tưởng nhưng khó đạt được, do đó đối với từng chỉ tiêu, có thể xác định được một tình huống đầu của chỉ tiêu đó, và về lý thuyết bất kỳ tỉnh nào cũng có thể đạt được điểm số PCI tuyệt đối là 100 điểm bằng cách áp dụng các thực tiễn tốt sẵn có. *Thứ hai*, bằng cách *loại trừ ảnh hưởng của các điều kiện truyền thống ban đầu* (các nhân tố cơ bản đóng góp vào tăng trưởng kinh tế trong một tỉnh và gần như không thể thay đổi trong ngắn hạn như vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng, quy mô của thị trường và nguồn nhân lực), chỉ số PCI giúp xác định và hướng vào các thực tiễn điều hành kinh tế tốt có thể đạt được ở cấp tỉnh. *Thứ ba*, bằng cách *so sánh đối chiếu giữa các thực tiễn điều hành với kết quả phát triển kinh tế*, chỉ số PCI giúp lượng hóa tầm quan trọng của các thực tiễn điều hành kinh tế tốt đối với thu hút đầu tư và tăng trưởng. Nghiên cứu chỉ ra được mối tương quan giữa thực tiễn điều hành kinh tế tốt với đánh giá của doanh nghiệp, và sự cải thiện phúc lợi của địa phương. Mỗi liên hệ cuối cùng này đặc biệt quan trọng vì nó cho thấy các chính sách và sáng kiến thân thiện với doanh nghiệp khuyến khích họ hoạt động theo hướng đem lại lợi ích cho cả chủ doanh nghiệp, người lao động và cộng đồng thông qua tạo thêm việc làm và tăng thu nhập cho cả nền kinh tế. *Thứ tư*, các *chỉ tiêu cấu thành* chỉ số PCI được thiết kế theo hướng *dễ hành động*, đây là những chỉ tiêu cụ thể cho phép các cán bộ công chức của tỉnh đưa ra các mục tiêu phấn đấu và theo dõi được tiến bộ trong thực hiện. Các chỉ tiêu này cũng rất thực chất vì được doanh nghiệp nhìn nhận là các chính sách then chốt đối với sự thành công của công việc kinh doanh.

3. Phương pháp nghiên cứu

Để đánh giá được thực trạng chỉ số năng lực

cạnh tranh cấp tỉnh nhằm đẩy mạnh thu hút vốn FDI trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, bài viết sử dụng nguồn số liệu thứ cấp được thu thập từ các báo cáo, các kết quả nghiên cứu, các số liệu đã được công bố chính thức của các cơ quan, tổ chức như: số liệu thống kê chủ yếu của tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 1997 đến 2012; số liệu tổng hợp về đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Bắc Ninh từ năm 2007 đến nay (Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bắc Ninh, Ban Quản lý các Khu Công nghiệp (KCN) tỉnh Bắc Ninh). Ngoài ra, các báo cáo khoa học, tạp chí, Internet, các văn bản pháp quy..., được sử dụng làm nguồn tài liệu nghiên cứu. Từ đó, sử dụng phương pháp thống kê mô tả và thống kê suy luận tiến hành phân tích thực trạng về PCI của tỉnh Bắc Ninh và tình hình đầu tư FDI trong những năm qua, những đóng góp mà nguồn vốn FDI mang lại như nộp ngân sách, thu hút lao động, xuất khẩu; cơ cấu đầu tư FDI vào các ngành, những thuận lợi và khó khăn trong việc thu hút đầu tư,... trên cơ sở đó đề ra các giải pháp phù hợp trong việc nâng cao chỉ số PCI và tăng cường thu hút đầu tư FDI trong thời gian tới. Ngoài ra, tác giả còn sử dụng bảng hỏi định tính nhằm tham khảo thêm từ các ý kiến đánh giá

của các chuyên gia, chuyên khảo bằng cách trao đổi với các cán bộ của tỉnh, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bắc Ninh; trao đổi thảo luận với các chuyên gia trong lĩnh vực đầu tư, các chủ doanh nghiệp có vốn đầu tư FDI để từ đó góp phần hoàn thiện nội dung nghiên cứu cũng như kiểm chứng kết quả nghiên cứu.

4. Thực trạng đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Bắc Ninh - tình hình Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh thời gian gần đây

4.1. Thực trạng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Bắc Ninh

Thông qua công tác xúc tiến đầu tư và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, kết quả thu hút FDI của tỉnh Bắc Ninh đã có những kết quả đáng ghi nhận. Lũy kế từ 1997 đến hết tháng 12/2013 toàn tỉnh có trên 451 đơn vị FDI và chi nhánh hoặc văn phòng đại diện, trong đó 445 dự án FDI còn hoạt động, với tổng vốn đầu tư đăng ký 6.417,35 triệu USD; diện tích chiếm đất của các doanh nghiệp FDI là 1259,81 ha (không tính diện tích của các dự án đầu tư hạ tầng); suất đầu tư trung bình 14,23 triệu USD/dự án.

Bảng 1. Kết quả thu hút đầu tư sơ bộ đến năm 2013

Năm	Số dự án cấp phép mới (Dự án)	Tổng số vốn đăng ký (Triệu USD)	Vốn đầu tư thực hiện (Triệu USD)	Vốn đầu tư bq/1 dự án
Tổng số - TOTAL	451	6417.35	2968.1	14.23
Từ 1995- 1997	2	141.3	141.3	70.65
1998 -2000	1	1.2	52.6	1.20
2001-2005	42	119	45.3	20.40
2006	19	242.9	42.5	12.78
2007	32	287.5	142.3	8.98
2008	76	1426.4	241.1	18.77
2009	32	586.8	269.3	18.34
2010	35	228.1	315.9	6.52
2011	53	595.6	392.8	11.24
2012	51	1079.6	449	21.17
Sơ bộ 2013	108	1628.95	876	15.08

Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh 2013 - Báo cáo tình hình thu hút đầu tư

Đến nay, khoảng 20 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án FDI đầu tư tại tỉnh Bắc Ninh. Các quốc gia có nhiều dự án tại tỉnh như: Hàn Quốc với 122 dự án, vốn đầu tư đăng ký 1.658 triệu USD (chiếm 25,8% tổng vốn đăng ký FDI toàn tỉnh); Nhật Bản với 78 dự án, vốn đầu tư 930,6 triệu USD (chiếm 14,5% tổng vốn FDI

toàn tỉnh); Đài Loan 30 dự án, vốn đầu tư đăng ký 336 triệu USD. Các dự án FDI đầu tư vào tỉnh chủ yếu trong lĩnh vực công nghiệp điện tử với vốn đầu tư đăng ký 1.449 triệu USD, chiếm 22,6% tổng vốn FDI toàn tỉnh. Các dự án có vốn đầu tư lớn như: Samsung 670 triệu USD, Canon 130 triệu USD,...(Bảng 2).

Bảng 2. Kết quả thu hút đầu tư theo đối tác sơ bộ hết năm 2013

Số TT	Đối tác đầu tư	Số dự án được cấp phép	Vốn đăng ký (Triệu USD)	Cơ cấu (%)
	TỔNG SỐ	451	6417.35	100.0
1	Cộng hòa ND Trung Hoa	35	101.7	1.6
2	Nhật Bản	78	930.6	14.5
3	Đài Loan	30	336	5.2
4	Hàn Quốc	122	1658	25.8
5	Hoa Kỳ	7	62.2	1.0
6	Singapore	12	866.6	13.5
7	Thái lan	5	35.9	0.6
8	Hồng Kông	18	113.8	1.8
9	Vương quốc Anh và Cộng hòa Pháp	12	45.3	0.7
10	Philan Lan	1	302	4.7
11	Các nước khác	131	1965.3	30.6

Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Bắc Ninh năm 2013

Trong những năm qua, khu vực kinh tế đầu tư nước ngoài của Bắc Ninh đã khẳng định vị trí của mình và trở thành một bộ phận quan trọng của nền kinh tế, góp phần tích cực vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá của Đảng. Kết quả nổi bật của chính sách thu hút FDI của Bắc Ninh trong thời gian qua là khu vực kinh tế có vốn FDI đã đóng góp đáng kể vào tốc độ tăng trưởng GDP của tỉnh. Tỷ lệ đóng góp của khu vực FDI trong GDP toàn tỉnh cũng tăng dần qua các năm: năm 2001 là 7,7%; năm 2006 tăng lên 9,7% và năm 2010 đạt 28,2%; năm 2011 đạt 33,9%; năm 2012 là 47,5%. Khu vực kinh tế có vốn FDI cũng góp phần vào chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất của tỉnh. Giá trị sản xuất (GTSX) công nghiệp khu vực FDI: giai đoạn 2001-2005: đạt 5.184 tỷ đồng (giá cố định), chiếm 23,6 % tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh; giai đoạn 2006-2010: đạt 43.681 tỷ đồng, chiếm 46,2% tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh. Giá trị sản xuất khu vực FDI tăng với tốc độ nhanh qua các năm: năm 2001 đạt 842 tỷ đồng (giá cố định 1994), năm 2005 đạt 1.462 tỷ đồng và năm 2010 đạt 22.859 tỷ đồng (chiếm 62% GTSX công nghiệp toàn tỉnh năm 2010); năm 2011, GTSX công nghiệp FDI đạt 32.004 tỷ đồng (chiếm 72,9%); năm 2012, GTSX công nghiệp của FDI ước đạt trên 49.000 tỷ đồng, chiếm 80% tổng giá trị sản xuất toàn ngành và ước năm 2013 là 165.534 tỷ đồng, chiếm 91,3% tổng giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp của tỉnh.

Xuất khẩu của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh và đóng vai trò quan trọng thúc đẩy gia tăng tổng kim ngạch xuất khẩu của Bắc Ninh. Giai đoạn 2001-2005, kim ngạch xuất khẩu khu vực FDI đạt 54,85 triệu USD, chiếm 18,9%

kim ngạch xuất khẩu của cả tỉnh; giai đoạn 2006 – 2010, kim ngạch xuất khẩu khu vực FDI đạt 2.281 triệu USD, chiếm 51,67% kim ngạch xuất khẩu của cả tỉnh; năm 2011, kim ngạch xuất khẩu đạt 2.761 triệu USD, chiếm 97,7% tổng kim ngạch xuất khẩu; năm 2012, kim ngạch xuất khẩu khu vực FDI đạt trên 12.800 triệu USD chiếm 99,2% tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh và năm 2013 ước đạt 23.873,7 triệu USD, chiếm 99,3% tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh. Tỷ lệ kim ngạch xuất khẩu của khu vực FDI trong kim ngạch xuất khẩu của cả tỉnh đã tăng với tốc độ cao, từ 0,2% vào năm 2001 lên 38,4% vào năm 2005 và đến năm 2010 đạt 66,8% (với giá trị xuất khẩu đạt 1.602 triệu USD, chủ yếu trong lĩnh vực điện tử) đến 2012 là 99,2% và ước đến hết năm 2013 sẽ là 99,3%.

Đầu tư nước ngoài của Bắc Ninh đã đóng góp ngày càng lớn vào nguồn thu ngân sách của tỉnh. Nộp ngân sách của khu vực đầu tư nước ngoài đạt 259 tỷ đồng thời kỳ 2001-2005, chiếm 8% tổng thu ngân sách toàn tỉnh; giai đoạn 2006-2010, nộp ngân sách khu vực FDI đạt 1.565 tỷ đồng, chiếm 10,7% tổng thu ngân sách toàn tỉnh. Số nộp ngân sách khu vực FDI tăng nhanh qua từng năm: năm 2001, khu vực FDI nộp ngân sách 47.03 tỷ đồng, năm 2006 tăng lên 150 tỷ đồng và năm 2010 đạt 521 tỷ đồng, năm 2012 là 1.500 tỷ đồng và 9 tháng năm 2013 là 1.803 tỷ đồng. Khu vực đầu tư nước ngoài góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Năm 2006, doanh nghiệp FDI đã tạo việc làm cho 7.699 người lao động, chiếm 12% tổng số lao động trong các doanh nghiệp toàn tỉnh. Đến năm 2010, số lượng người lao động làm việc cho các doanh nghiệp FDI đã tăng lên 36.800 người, chiếm 30,9% tổng số lao động trong các doanh nghiệp toàn tỉnh và đến

năm 2012, số lao động làm việc trong khu vực kinh tế FDI là 68.753 người và chiếm 46% tổng số lao động trong các doanh nghiệp toàn tỉnh.

4.2. Thực trạng môi trường đầu tư thông qua chỉ số PCI chung của Bắc Ninh

Trong những năm gần đây, tỉnh Bắc Ninh đã triển khai các hoạt động về công tác xúc tiến thu hút đầu tư nước ngoài khá hiệu quả. Môi trường đầu tư - kinh doanh luôn được cải thiện theo hướng thông thoáng, minh bạch và hấp dẫn các nhà đầu tư. Đặc biệt, năm 2007, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh là đơn vị đầu tiên trong cả nước đã triển khai áp dụng cơ chế một cửa liên thông trong việc cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; cấp giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế; cấp giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu. Đến năm 2010, cơ chế một cửa tại Sở Kế hoạch và Đầu tư của tỉnh tiếp tục thực hiện đối với lĩnh vực thẩm định dự án có nguồn vốn ngân sách nhà nước, lĩnh vực đấu thầu và cấp giấy chứng nhận đầu tư. Kể từ khi áp dụng cơ chế một cửa, một cửa liên thông các hồ sơ công việc của tổ chức và công dân đều được xem xét giải quyết kịp thời, chính xác, thủ tục hành chính và thời gian giải quyết công việc đã được giải quyết nhanh gọn đáng kể như: thời gian giải quyết đăng ký kinh doanh, cấp mã số thuế, con dấu và các công việc có liên quan được rút ngắn còn tối đa không quá 7 ngày; số lần tổ chức

và công dân đi lại tới cơ quan hành chính cũng giảm còn không quá 3 lần; thủ tục hành chính cũng giảm còn 9 bước... Đặc biệt, trước đây tổ chức, công dân có yêu cầu giải quyết công việc phải đi ít nhất ba cơ quan mới có thể giải quyết được thì nay chỉ còn phải đến một nơi duy nhất là Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Sở Kế hoạch và Đầu tư. Nhờ những cải cách quyết liệt này mà chỉ số PCI của tỉnh liên tục được cải thiện rõ nét: nếu như năm 1997 xếp thứ 20 trong cả nước thì đến năm 2010 xếp thứ 6/63 tỉnh thành, đến năm 2011 đã xếp thứ 2/63 tỉnh thành trong cả nước, đây là một bước tiến lớn trong việc nâng cao hình ảnh của tỉnh đối với các nhà đầu tư. Tuy nhiên, đến năm 2012, Bắc Ninh đã bị tụt xuống thứ 10/63 tỉnh thành song vẫn xếp thứ nhất Đồng bằng sông Hồng; năm 2013, Bắc Ninh tiếp tục giảm điểm và xếp thứ 12/63 tỉnh thành trong cả nước và so với khu vực Đồng bằng sông Hồng, Bắc Ninh đã tụt xuống thứ 2 sau Quảng Ninh, trong 9 chỉ số thành phần (không tính chỉ số thứ 10 mới đưa vào điều tra), Bắc Ninh có 6 chỉ số tăng, 3 chỉ số giảm điểm so với năm 2012; 6 chỉ số tăng điểm là: “Tiếp cận đất đai”, “Chi phí không chính thức”, “Hỗ trợ doanh nghiệp”, “Đào tạo lao động” và “Thiết chế pháp lý”. Tuy tụt hạng song khoảng cách giữa các tỉnh trong Top 10 tỉnh thành dẫn đầu không lớn, khoảng cách của Bắc Ninh (xếp thứ 12) với Đà Nẵng (tỉnh dẫn đầu bảng xếp hạng) chỉ là 5,38 điểm.

Bảng 3. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI giai đoạn 2007 - 2013

Năm	Bắc Ninh			Tỉnh xếp thứ nhất			BQ cả nước
	Chỉ số CPI	Kết quả xếp hạng	Nhóm xếp hạng	Tên tỉnh	Chỉ số CPI	Nhóm xếp hạng	
2013	61,07	12	Tốt	Đà Nẵng	66,45	Rất tốt	57,78
2012	62,26	10	Tốt	Đồng Tháp	63,79	Tốt	57.02
2011	67,27	2	Rất tốt	Lào Cai	73,53	Rất tốt	59.43
2010	64,48	6	Tốt	Đà Nẵng	69,77	Rất tốt	58.08
2009	65,70	10	Tốt	Đà Nẵng	75,96	Rất tốt	59.13
2008	59,57	16	Khá	Đà Nẵng	72,16	Rất tốt	53.38
2007	58,96	20	Khá	Bình Dương	77,20	Rất tốt	55.65

Nguồn: Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI) năm 2014

Bảng 1 cho thấy từ năm 2007 đến nay tỉnh Bắc Ninh đã có những bước tiến khá tốt. Đây là kết quả của việc thực hiện tốt cơ chế “một cửa” trong cấp giấy chứng nhận đầu tư tại Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các KCN tỉnh; hỗ trợ nhà đầu tư một cách hiệu quả trong việc cung cấp thông tin liên quan đến dự án đầu tư, hướng dẫn thủ tục

đầu tư, xây dựng và triển khai dự án; thực hiện biên soạn tài liệu giới thiệu môi trường đầu tư, thường xuyên điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án gọi vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thời kỳ 2010-2015 để làm căn cứ xúc tiến, thu hút đầu tư; quảng bá hình ảnh, marketing địa phương giới thiệu môi trường đầu tư, thực hiện tuyên truyền, giới thiệu về môi

trường đầu tư trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website, các báo, tạp chí; tổ chức các đoàn xúc tiến đầu tư tại: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan,.... giới thiệu, quảng bá hình ảnh Bắc Ninh; đồng thời cũng tham gia cùng đoàn Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư vận động đầu tư ở nước ngoài; xây dựng các mối quan hệ hỗ trợ trong công tác xúc tiến đầu tư: chủ động thiết lập quan hệ và trao đổi thông tin với các cơ quan ngoại giao, kinh tế, thương mại của các nước và Trung tâm Xúc tiến Đầu tư phía Bắc.

4.3. Thực trạng chỉ số thành phần PCI của tỉnh Bắc Ninh

Chỉ số PCI bao gồm 10 chỉ số thành phần, phản ánh các lĩnh vực điều hành kinh tế tác động đến sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân. Một tỉnh sẽ được coi là thực hiện tốt tất cả 10 chỉ số thành phần nếu có: (1) chi phí gia nhập thị trường để khởi sự kinh doanh thấp; (2) tiếp cận đất đai dễ dàng và sử dụng ổn định; (3) môi trường kinh doanh minh bạch và việc tiếp cận thông tin kinh doanh thuận lợi; (4) chi phí không chính thức ở mức tối thiểu; (5) thời gian thanh tra, kiểm tra và thực hiện quy định, thủ tục hành chính ít; (6) lãnh đạo tỉnh năng động sáng tạo trong giải quyết vấn đề cho doanh nghiệp; (7) dịch vụ hỗ trợ kinh doanh phát triển và có chất lượng cao; (8) chính sách đào tạo lao động phù hợp; (9) thủ tục pháp lý giải quyết tranh chấp công bằng và hiệu quả; (10) cạnh tranh bình đẳng giữa các loại hình doanh nghiệp và thành phần kinh tế trên địa bàn (đây là chỉ tiêu mới bổ sung năm 2013). Những thông số trên cho thấy Bắc Ninh liên tục đứng trong Top khá của toàn quốc và mức cao của khu vực Đồng bằng sông Hồng.

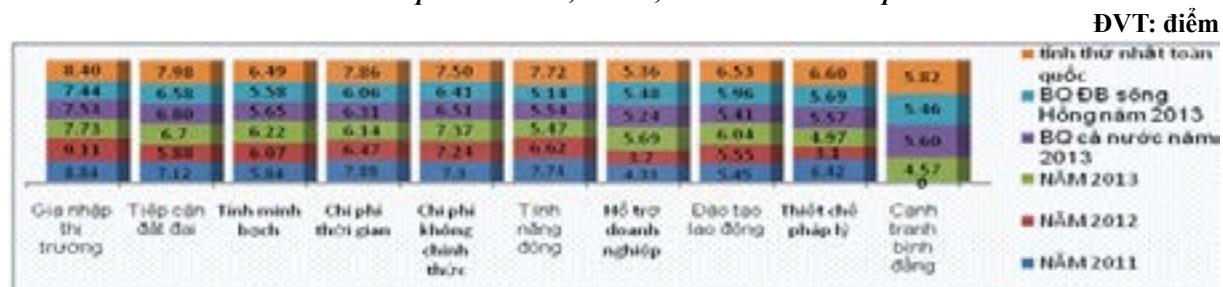
Điểm đáng lưu ý là mặc dù đứng thứ 12 toàn quốc và đứng thứ 2 khu vực Đồng bằng sông Hồng về chỉ số PCI song khoảng cách điểm số với đơn vị đứng đầu đã hẹp lại (thấp hơn Đà Nẵng 5,38 điểm); trong khi năm 2011, tuy đứng thứ hai nhưng khoảng cách với đơn vị đứng đầu Lào Cai là 6,26

điểm cho thấy sức cạnh tranh về PCI đang ngày một khốc liệt.

Về chỉ số thành phần, cho đến nay, Bắc Ninh chưa có chỉ số thành phần đứng đầu trong chỉ số thành phần ở các tỉnh, trong khi đó tỉnh Trà Vinh tuy xếp thứ 13 nhưng có 2 chỉ số đứng đầu (gia nhập thị trường 9,47 điểm và tiếp cận đất đai 8,68 điểm); tỉnh Kiên Giang xếp thứ 3 toàn quốc cũng có 2 chỉ số đứng đầu (chi phí thời gian 8,36 điểm và chi phí không chính thức 8,94 điểm). Trong năm 2013, tỉnh Bắc Ninh có tới 3/9 chỉ số giảm điểm so với năm 2012, đó là các chỉ số gia nhập thị trường giảm 1,38 điểm, chi phí thời gian giảm 0,3 điểm và tính năng động giảm 1,15 điểm (đây là năm thứ 2 liên tiếp 2 chỉ tiêu này giảm điểm), tuy nhiên các chỉ số này vẫn ở mức khá so với cả nước. Trong khi đó chỉ có 6/9 chỉ số tăng điểm so với năm 2012: tiếp cận đất đai tăng 0,82 điểm, tính minh bạch tăng 0,15 điểm, chi phí không chính thức tăng 0,13 điểm, hỗ trợ doanh nghiệp tăng mạnh nhất 1,99 điểm, đào tạo lao động tăng 0,49 điểm, thiết chế pháp lý tăng 1,87 điểm. Điều đó cho thấy chúng ta còn nhiều dư địa cho cải cách tiếp theo để môi trường kinh doanh của tỉnh đi vào thực chất và tạo động lực mạnh mẽ hơn cho phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn tới.

So với bình quân chung cả nước và Đồng bằng sông Hồng, tỉnh Bắc Ninh có 5/10 chỉ số cao điểm hơn là: gia nhập thị trường đạt 7,73 điểm, cao hơn bình quân cả nước và Đồng bằng sông Hồng (0,2 và 0,29); tính minh bạch đạt 6,22 điểm, cao hơn (0,57 và 0,64); chi phí không chính thức đạt 7,37 điểm, cao hơn (0,86 và 0,96); hỗ trợ lao động đạt 5,69 điểm, cao hơn (0,45 và 0,21); cuối cùng là chỉ số đào tạo lao động đạt 6,04 điểm, cao hơn (0,63 và 0,08). Tuy nhiên, so với đơn vị dẫn đầu cả nước năm 2013 là Đà Nẵng thì tỉnh Bắc Ninh chỉ có duy nhất 01/10 chỉ số tăng điểm đó là hỗ trợ doanh nghiệp cao hơn 0,33 điểm còn 9/10 chỉ tiêu còn lại đều có điểm số thấp hơn. Cụ thể như biểu số 1 dưới đây:

Biểu số 1: PCI thành phần cả nước, ĐBSH, tỉnh thứ nhất toàn quốc và tỉnh Bắc Ninh



Nguồn: Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) năm 2014

5. Giải pháp để nâng cao chỉ số PCI thành phần và tiếp tục tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài những năm tiếp theo

Đề hoạt động đầu tư nước ngoài FDI tiếp tục phát huy hiệu quả đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phương hướng thu hút FDI giai đoạn 2011-2015 theo hướng tăng chất lượng, hiệu quả cao và đảm bảo môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế, phù hợp với định hướng phát triển bền vững của tỉnh, có sự cam kết về chuyển giao công nghệ thích hợp với từng ngành, từng dự án, cam kết về điều kiện tiền lương cho lao động, đóng góp tốt cho ngân sách địa phương, phát triển đội ngũ lao động có kỹ năng cao. Ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài vào các ngành công nghiệp hiện đại, công nghệ cao, công nghệ sạch ít gây ô nhiễm môi trường, tạo ra giá trị gia tăng sản phẩm lớn, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên hướng tới phát triển bền vững. Các ngành khuyến khích đầu tư gồm: công nghệ thông tin, điện tử, vi điện tử, công nghệ sinh học, du lịch, y tế, giáo dục – đào tạo, dịch vụ giải trí...; thu hút các dự án FDI gắn với nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ theo hướng bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Khuyến khích thu hút vào ngành công nghiệp phụ trợ nhằm giảm chi phí đầu vào về nguyên - phụ liệu góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm sản xuất trong nước. Để thực hiện được phương hướng và mục tiêu thu hút FDI giai đoạn 2011-2015 cần thực hiện một số giải pháp như sau:

Một là, tiếp tục công tác tuyên truyền về ý nghĩa của chỉ số PCI trong phát triển kinh tế - xã hội. Chỉ số PCI là phương pháp khoa học và độc đáo đo lường chất lượng điều hành kinh tế cấp tỉnh. Đồng thời, chỉ số PCI đã tạo hình ảnh về môi trường kinh doanh để thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước. Tăng điểm chỉ số PCI có tác động tăng mức phát triển doanh nghiệp, thu hút đầu tư, tạo tăng trưởng kinh tế và duy trì vốn đầu tư trong dài hạn. Chỉ số PCI là tín hiệu và góp phần xây dựng hình ảnh địa phương có sức hấp dẫn với các nhà đầu tư nước ngoài. Do vậy cần làm tốt công tác truyền thông và nâng cao nhận thức về ý nghĩa của chỉ số PCI trong phát triển kinh tế - xã hội để đẩy mạnh cải cách để duy trì và nâng cao chỉ số PCI trong thời gian tới. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực hiện các biện pháp duy trì và nâng cao năng lực cạnh tranh. Tỉnh đã có nhiều quy định về trách nhiệm của người đứng đầu, nay cần gắn trách nhiệm của người đứng đầu trong việc giải quyết kiến nghị, hỗ trợ doanh nghiệp, cải cách thủ tục

hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh. Do đó cần quy định trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực hiện hỗ trợ và giải quyết kiến nghị của doanh nghiệp.

Hai là, nâng cao các chỉ số thành phần trong chỉ số PCI, thực thi các chính sách đổi mới, thu hút sự quan tâm và tạo lòng tin của doanh nghiệp trong điều kiện thực hiện các chính sách, quy hoạch theo tinh thần đổi mới. Nhanh chóng hoàn thiện các đồ án quy hoạch dài hạn, đề ra những thông điệp mới thể hiện những cam kết đổi mới ở tầm lãnh đạo tỉnh, đồng hành cùng doanh nghiệp, giải quyết tốt những vướng mắc của doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo chính sách của Nhà nước. Kiểm soát việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo hướng không tạo thêm khó khăn cho doanh nghiệp khi thực hiện các chính sách của Trung ương, tiếp tục thực hiện tốt việc đơn giản hoá thủ tục hành chính, thực hiện tốt hơn cơ chế một cửa, rút ngắn và hỗ trợ tốt hơn cho doanh nghiệp trong đăng ký kinh doanh, thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng theo các Quyết định của UBND tỉnh về đơn giản hoá thủ tục hành chính tại Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng; Sở Tài nguyên và Môi trường; kết nối dữ liệu giữa các ngành trong quản lý doanh nghiệp và đầu tư... Tăng cường hỗ trợ thực chất cho doanh nghiệp theo Nghị định 56/ NĐ - CP của Chính phủ; nâng cao chất lượng hoạt động công chứng, tư vấn pháp lý. Nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, trước hết ở các đơn vị sự nghiệp có chức năng hỗ trợ doanh nghiệp; khuyến khích các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp (công nghệ thông tin, tư vấn tài chính, đầu tư, tiếp thị,...). Các Sở, ban, ngành tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tư vấn hoạt động, giới thiệu trên Website các công ty tư vấn, tạo điều kiện cho thị trường dịch vụ tư vấn phát triển; tránh tình trạng tư vấn khép kín theo các Trung tâm tư vấn của các ngành, đơn vị, địa phương. Nâng cao chất lượng hoạt động công chứng, tư vấn pháp lý; hoạt động của Toà kinh tế, hành chính, dân sự.

Ba là, tỉnh Bắc Ninh cần thường xuyên tổ chức gặp mặt các nhà đầu tư và đại diện các tổ chức quốc tế đang hoạt động, công tác trên địa bàn toàn quốc. Có danh mục các dự án cần thu hút, các chính sách ưu đãi của tỉnh; công bố về quy hoạch thu hút đầu tư vào các lĩnh vực mà Bắc Ninh thế mạnh, tiềm năng về tài nguyên, lao động của tỉnh để các nhà đầu tư có cơ hội lựa chọn. Trong công tác xúc tiến, thu hút đầu tư theo hướng hiệu quả và tạo điều kiện phát triển bền vững: tập trung vào các thị

trường lớn, tiềm năng như châu Âu, Mỹ, Nhật...; tập trung thu hút các dự án có vốn đầu tư lớn, sử dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường, có giá trị gia tăng cao... Thúc đẩy việc phát triển các KCN chuyên ngành, tạo lập ngành công nghiệp mũi nhọn (điện tử, viễn thông) và công nghiệp hỗ trợ. Nâng cao chất lượng dịch vụ công, thực hiện hiệu quả “cơ chế một cửa”, tránh tình trạng “Một cửa nhưng nhiều khoá” như cách nói của một số nhà đầu tư khi giao dịch với cơ quan hành chính Nhà nước. Trên tinh thần đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối tham mưu cho UBND tỉnh tháo gỡ tất cả những vướng mắc do các nhà đầu tư đề xuất. Thường xuyên rà soát, kịp thời phát hiện những khó khăn của các doanh nghiệp để hỗ trợ, tháo gỡ, bảo đảm cho công tác sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp phát triển ổn định. Đối với các dự án không có điều kiện thực hiện, kiên quyết thu hồi hoặc tạo điều kiện chuyển đổi.

Bốn là, có chính sách đúng đắn đối với việc xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của KCN để kịp thời thu hút các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể nhanh chóng đầu tư được ngay. Do đó, cần hoàn thiện đề án điều chỉnh quy hoạch phát triển các KCN Bắc Ninh đến năm 2015 định hướng đến năm 2020 nhằm phát triển đồng bộ, hiệu quả và bền vững giữa đầu tư, xây dựng các KCN trên địa bàn tỉnh và các quy hoạch chuyên ngành khác, tham gia vào việc phân bổ, điều chỉnh lại không gian kinh tế - xã hội của tỉnh, tạo sự phát triển hài hoà giữa các khu vực trong tỉnh, là cơ sở để Bắc Ninh hội nhập và phát triển bền vững. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý Nhà nước về đầu tư trong các KCN, cụm Công nghiệp (CCN), đặc biệt chú trọng tới công tác tổ chức thực hiện các chính sách mới. Điều kiện tiên quyết vẫn là đội ngũ những người làm công tác thu hút đầu tư, từ đó đặt ra cho tỉnh phải khẩn trương thực hiện công tác đào tạo và thu hút cán bộ có năng lực làm công tác này. Chất lượng cán bộ

làm công tác đầu tư phải luôn được nâng cao, trình độ tay nghề của đội ngũ công nhân kỹ thuật phải luôn được đào tạo, do đó phải thường xuyên quan tâm tới các trường dạy nghề, trường công nhân kỹ thuật, thu hút những lực lượng lao động trẻ ở khu vực nông thôn cho đi đào tạo với số lượng lớn để sẵn sàng đáp ứng về nhu cầu lao động cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Năm là, chăm lo, đời sống người lao động, tạo môi trường làm việc hiệu quả, có phương pháp hợp lý khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với doanh nghiệp. Đôn đốc các chủ đầu tư hạ tầng các KCN xây dựng hoàn chỉnh đồng bộ hạ tầng các KCN gắn với các công trình phúc lợi xã hội: nhà ở cho người lao động, trường học, công viên, chợ, nhà trẻ, trung tâm văn hoá thể thao, cơ sở chăm sóc sức khoẻ cho người lao động, nhằm đảm bảo cho các KCN phát triển bền vững, nêu cao hình ảnh về các KCN Bắc Ninh, góp phần cải thiện môi trường đầu tư và hỗ trợ giải quyết khó khăn cho các doanh nghiệp. Chú trọng công tác bảo vệ môi trường trong các KCN. Đổi mới và nâng cao chất lượng thẩm định báo cáo ĐTM và hoạt động sau thẩm định, tăng cường giám sát quá trình triển khai thực hiện của các doanh nghiệp ngay từ khi xây dựng. Đôn đốc các chủ đầu tư hạ tầng và các doanh nghiệp thứ cấp thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường.

6. Kết luận

Những giải pháp nêu trên sẽ là yếu tố quyết định cải thiện năng lực cạnh tranh của tỉnh, giúp tỉnh ngày càng thu hút nhiều nhà đầu tư, tạo cơ sở và động lực để Bắc Ninh đẩy mạnh phát triển kinh tế với tốc độ cao và bền vững, xây dựng tỉnh ngày càng giàu mạnh, văn minh như Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 18 đã đề ra và sớm hoàn thành mục tiêu trở thành tỉnh công nghiệp vào năm 2015.

Tài liệu tham khảo

- Cục Thống kê Bắc Ninh. 2012. *Số liệu thống kê chủ yếu tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 1997-2012*. Nxb Thống kê.
- Cục Thống kê Bắc Ninh. 2013. *Báo cáo tình hình kinh tế xã hội năm 2013*. Nxb Thống kê.
- Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh. 2010. *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh khóa XVIII, tr.29*.
- Không, Văn Thắng. 2013. “Đề phát triển bền vững các khu công nghiệp tập trung ở Bắc Ninh”. *Tạp chí Lý luận chính trị, số 09, tr. 57 - 60*.
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh. 2013. *Báo cáo số liệu tình hình thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2013*.
- Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh. 2013. *Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh 2015 -2020 và tầm nhìn đến 2030*.
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam VCCI/VNCI. 1. 2014. *Báo cáo chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh Việt Nam năm 2013*.